**KẾ HOẠCH BÀI DẠY – HỘI GIẢNG VÒNG 1**

**GV: Nguyễn Thị Ngọc Bích**

 **Luyện từ và câu**

 **TỪ NHIỀU NGHĨA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1.Năng lực văn học:**

- Nắm được kiến thức sơ giản về từ nhiều nghĩa ( ND ghi nhớ).

-Nhận biết được từ mang nghĩa gốc, từ mang nghĩa chuyển trong các câu văn có dùng từ nhiều nghĩa( BT1, mục III); tìm được ví dụ về sự chuyển nghĩa của 3 trong số 5 từ chỉ bộ phận cơ thể người và động vật (BT2).

\*HS làm được toàn bộ BT2 (mục III)

**2. Năng lực chung và phẩm chất:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Giáo dục học sinh thêm yêu Tiếng Việt.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**-**Bài giảng powerpoint

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Khởi động:**- Thế nào là từ đồng âm?- Đặt câu để phân biệt từ đồng âm *“ đậu”*- GV và HS cùng nhận xét- GV giới thiệu bài: Chúng ta đã học về : Từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm. Hôm nay chúng ta đi tìm hiểu về từ nhiều nghĩa.**2.Hình thành kiến thức:****Phần Nhận xét** **Bài 1:** GV treo bảng phụ- Gọi HS đọc yêu cầu.- 1 HS nêu yêu cầu của bài - 1 HS đọc các từ ở cột A và các nghĩa ở cột B.- Yêu cầu HS dùng bút chì nối từ với nghĩa thích hợp vào SGK.- Chữa bài. 3 HS lần lượt đứng lên mỗi bạn nêu 1 từ với nghĩa tương ứng- Nhận xét, kết luận bài làm đúng.- Gọi HS nêu lại nghĩa của từng từ.*=> Các nghĩa vừa xác định của các từ răng, tai , mũi là nghĩa vốn có của từ. Đó là nghĩa gốc của từ.*\* Ngoài nghĩa gốc, *răng, mũi, tai* còn có nét nghĩa nào khác, chúng ta cùng chuyển sang bài tiếp theo(BT2,3).- Yêu cầu HS đọc to khổ thơ trong bài 2 SGK.- Tìm và nêu các từ in đậm trong khổ thơ đó. GV ghi từ **răng** cào**, mũi** thuyền**, tai** ấm lên bảng.- GV cho học sinh quan sát tranh cái cào và hỏi tên đồ vật.- Chỉ răng của cái cào- Răng cào và răng ở bài tập 1 có nét nghĩa nào giống nhau. Vậy nó khác nhau ở chỗ nào?- Tương tự như vậy yêu cầu học sinh nêu điểm giống nhau và khác về nghĩa của hai từ còn lại. - *Qua phần so sánh nghĩa chúng ta thấy các từ* ***răng*** *cào****, mũi*** *thuyền****, tai*** *ấm có ít nhất 1 nét nghĩa giống nghĩa gốc và nó có một số nét nghĩa khác được hình thành trên cơ sở nghĩa gốc. Những nghĩa khác đó gọi là nghĩa chuyển.*- Yêu cầu học sinh tìm thêm một số nghĩa chuyển khác của từ răng mũi tai.*=>GV chốt: Những từ răng,mũi, tai có 1 nghĩa gốc và một số nghĩa chuyển. Vậy từ răng, mũi,tai là từ nhiều nghĩa.**Vậy em hiểu:*- Thế nào là từ nhiều nghĩa ?- Nghĩa gốc và nghĩa chuyển có mối liên hệ với nhau hay không?- Kiến thức chúng ta vừa rút ra đó chính là nội dung phần ghi nhớ.**Phần Ghi nhớ:**- Gọi 1 bạn đọc to phần ghi nhớ**3.Thực hành:** **Bài tập 1**: GV treo BP- Gọi HS đọc YC và nội dung BT1.- Cho HS phân tích YC của bài.- Tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4. - GV nhận xét, kết luận lời giải đúng- YC HS nêu nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ mắt trong bài.- Tìm thêm 1 số nghĩa chuyển khác của từ mắt.=> Các từ: mắt, chân, đầu chỉ bộ phận trên cơ thể người và động vật thường là từ nhiều nghĩa. Chúng ta cùng đi tìm sự chuyển nghĩa của một số từ trong BT2.**Bài tập 2:**- Tổ chức trò chơi “ Tiếp sức”-Chia thành 2 nhóm: Nhóm Nam và nhóm Nữ, mỗi nhóm gồm 5 bạn-GV phổ biến luật chơi: Nhiệm vụ của các đội là nối tiếp nhau tìm nghĩa chuyển của 3 từ: tay, cổ, lưỡi.Các bạn ở dưới lớp cổ vũ-Tổ chức cho HS chơi- GV cùng HS chữa bài và nhận xét- YC HS giải thích nghĩa một số từ-Tuyên dương, khen ngợi nhóm thắng cuộc**4.Vận dụng:**- Thay thế từ ***ăn*** trong các câu sau bằng từ thích hợp:*a) Tàu ăn hàng ở cảng.**b) Cậu làm thế dễ ăn đòn lắm.**c) Da bạn ăn phấn lắm.**d) Hồ dán không ăn giấy.*- Nhận xét tiết học.- Nhắc HS về ôn lại bài và xem trước bài : *Luyện tập về từ nhiều nghĩa.* | - HS nêu-HS đặt câu- HS lắng nghe- 1 HS đọc yêu cầu.- HS nêu yêu cầu của bài.- 1HS làm trên bảng lớp, lớp làm vào SGK.- Lớp nhận xét.*Răng – b ; Mũi – c ; Tai – a.*- Nhắc lại nghĩa của từng từ.- HS nghe.- 1 HS đọc. - HS tìm và nêu- HS chỉ răng cào- Đều sắp thành hàng+ Răng của chiếc cào không dùng để nhai như răng người và động vật.-HS nêu-HS tìm- Từ nhiều nghĩa là từ có một nghĩa gốc và một hay nhiều nghĩa chuyển..- Có, nghĩa chuyển được suy rộng ra từ nghĩa gốc.- HS đọc- HS đọc.- HS đọc - HS nêu yêu cầu - HS thảo luận báo cáo kết quả.- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.- HS nêu nghĩa- HS tìm- HS chia nhóm- HS lắng nghe-HS chơi- Chữa bài, nhận xét kết quả của 2 đội- HS giải thích- HS làm bài và lần lượt trình bày:- Từ thích hợp: ***Bốc, xếp*** hàng.- Từ thích hợp: ***Bị*** đòn- Từ thích hợp: ***Bắt*** phấn- Từ thích hợp: Không ***dính*** | -KT đặt câu hỏi-KT trình bày 1 phút-KT đọc tích cực-KT đặt câu hỏi-PP chia nhóm và hoạt động nhóm PP chia nhóm và hoạt động nhóm-KT trình bày 1 phút |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................